TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN BA TRI -TỈNH BẾN TRE**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 99 /2018/HNGĐ-ST
Ngày 28-9-2018
V/v "*Xin ly hôn* "

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BA TRI, TỈNH BẾN TRE

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Trần Thị Hồng Hạnh.

Các Hội thẩm nhân dân:

1/ Ông Nguyễn Văn Lớn.

2/ Ông Nguyễn Công Trung.

- Thư ký phiên toà: Bà Phan Thị Kim Loan – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Ba Tri.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Ba Tri *tham gia phiên tòa*: Bà Dương Thy Trúc Phương– Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 9 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Ba Tri, tỉnh Bến Tre mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án đã thụ lý số: 306/2018/TLST-HNGĐ ngày 18 tháng 6 năm 2018 về việc "Xin ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 96/2018/QĐST-HNGĐ ngày 29 tháng 8 năm 2018 (Quyết định hoãn phiên tòa số: 73/2018/QĐST-HNGĐ ngày 14/9/2018) giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Mỹ C, sinh năm 1995 (có mặt);

Địa chỉ: ấp An Hội, thị trấn B, huyện B, tỉnh Bến Tre.

2. Bị đơn: Anh Nguyễn Văn L, sinh năm 1993 (vắng mặt);

Địa chỉ: ấp An Thạnh, Nguyễn Văn L xã X, huyện B, tỉnh Bến Tre.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện ngày 11/6/2018, trong quá trình tố tụng cũng như tại phiên tòa sơ thẩm nguyên đơn chị Nguyễn Thị Mỹ C trình bày:*

Chị và anh Nguyễn Văn L kết hôn năm 2013, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã X vào ngày 19/12/2013. Sau khi kết hôn, chị và anh L chung sống hạnh phúc đến giữa năm 2017 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do anh L đi biển về thường xuyên uống rượu, ghen tuông vô cớ rồi đánh chị. Lúc đầu thì anh L đánh một hai bạt tay sau thì đánh vào đầu vào mặt gây sưng phù, dù cha mẹ chồng can ngăn nhưng anh L vẫn cố tình đánh chị nên chị bỏ về sống với bà ngoại ruột tại ấp An Hội, thị trấn B. Từ khi sống ly thân, anh L có đến năn nỉ nhưng chị không đồng ý vì anh L hứa mà không sửa đổi. Chị nhận thấy mâu thuẫn giữa chị và anh L đã trầm trọng, không thể tiếp tục chung sống. Do đó chị yêu cầu Tòa án cho chị được ly hôn với anh L.

Chị và anh Nguyễn Văn L có 02 con chung tên: Nguyễn Thị G, sinh ngày 16/11/2013; Nguyễn Khánh D, sinh ngày 02/9/2015. Hiện chị nuôi cháu D còn cháu N do anh L nuôi. Khi ly hôn, chị yêu cầu tiếp tục nuôi cháu D, còn cháu N để anh L nuôi. Đôi bên không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Tài sản, nợ chung: Không có nên không yêu cầu giải quyết.

* Anh Nguyễn Văn L được Tòa án nhân dân huyện Ba Tri tống đạt tất cả văn bản tố tụng nhưng anh L không có ý kiến gì và vắng mặt không lý do trong các phiên giải quyết của Tòa.

* *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Ba Tri trình bày quan điểm*: Về tố tụng, Thẩm phán đã thực hiện đúng trình tự thủ tục, có thu thập chứng cứ nên thuộc trường hợp Viện kiểm sát tham gia. Hội đồng xét xử đúng như thành phần quyết định đưa vụ án ra xét xử, Hội đồng xét xử thực hiện đúng trình tự, thể hiện vô tư, khách quan. Đối với đương sự, nguyên đơn thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ, bị đơn được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt không lý do. Về quan điểm giải quyết vụ án: Chị Nguyễn Thị Mỹ C và anh Nguyễn Văn L kết hôn tại xã Ủy ban nhân dân xã X vào ngày 19/12/2013 nên là hôn nhân hợp pháp. Trong quá trình chung sống, theo Chị C nguyên nhân mâu thuẫn do anh L ghen tuông vô cớ và đánh chị nhiều lần. Chị C và anh L có 02 con chung tên Nguyễn Thị G, sinh ngày 16/11/2013 và Nguyễn Khánh D, sinh ngày 02/9/2015. Khi ly hôn Chị C yêu cầu nuôi cháu D, cháu N để cho anh L nuôi. Xét trình trạnh hôn nhân giữa Chị C và anh L đã mâu thuẫn trầm trọng, căn cứ Điều 51, 56 Luật hôn nhân và gia đình đề nghị chấp nhận yêu cầu ly hôn của Chị C đối với anh L. Con chung: Cháu D hiện sống với Chị C, cháu N sống với anh L nên để cháu D cho Chị C tiếp tục nuôi, cháu N giao cho anh L tiếp tục nuôi là phù hợp theo

Điều 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân gia đình, không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con. Tài sản, nợ chung không có nên không xem xét.

Từ các lời trình bày trên;

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Qua nghiên cứu toàn bộ các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và thẩm tra công khai các chứng cứ tại phiên tòa, Hội đồng xét xử xét thấy:

Về tố tụng: Anh Nguyễn Văn L được Tòa án tống đạt hợp lệ nhưng anh L vẫn vắng mặt không lý do. Do đó, việc đưa vụ án ra xét xử vắng mặt anh L là phù hợp với quy định tại các điều 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Về nội dung:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Mỹ C và anh Nguyễn Văn L kết hôn trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại UBND xã X (Ba Tri – Bến Tre) vào ngày 19/12/2013 nên quan hệ hôn nhân giữa Chị C và anh L là hợp pháp. Anh L đã được Tòa án tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng (Thông báo thụ lý vụ án, Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải; Quyết định đưa vụ án ra xét xử,…) Tuy nhiên anh L không làm bản tự khai, không giao nộp chứng cứ và vắng mặt tham gia các buổi làm việc được Tòa triệu tập, điều đó đồng nghĩa với việc anh L tự tước đi quyền phản bác ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của Chị C. Tại Tòa Chị C vẫn giữ nguyên yêu cầu xin ly hôn. Hội đồng xét xử xét thấy, qua lời trình bày của Chị C và quá trình xác minh có cơ sở xác định giữa Chị C và anh L đã sống ly thân từ tháng 6/2017. Trong cuộc sống hôn nhân, do trong tình cảm anh L không tin tưởng Chị C dẫn tới đánh Chị C nhiều lần. Xét tình trạng hôn nhân giữa Chị C và anh L không còn khả năng hàn gắn, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ vào quy định tại Điều 51, 56 Luật hôn nhân và gia đình có cơ sở để chấp nhận yêu cầu ly hôn của Chị C.

[2] Về con chung: Nguyễn Thị G, sinh ngày 16/11/2013 và Nguyễn Khánh D, sinh ngày 02/9/2015. Chị C yêu cầu nuôi cháu D còn cháu N để anh L nuôi. Hội đồng xét xử xét thấy, cháu D hiện do Chị C nuôi dưỡng, cháu N do anh L nuôi dưỡng. Để tránh thay đổi môi trường sống của cháu D, cháu N nên việc Chị C yêu cầu tiếp tục nuôi cháu D, cháu N để anh L tiếp tục nuôi là phù hợp theo Điều 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân gia đình. Ghi nhận Chị C tự nguyện không yêu cầu anh L cấp dưỡng nuôi con.

[3] Về tài sản chung: Không có nên không yêu cầu giải quyết.

[4] Về nợ chung: Không có nên không yêu cầu giải quyết.

[5] Về án phí hôn nhân sơ thẩm: 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) chị Nguyễn Thị Mỹ C phải nộp theo quy định của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các điều 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 51, 56, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Nguyễn Thị Mỹ C đối với anh Nguyễn Văn L.

2. Con chung: Chị Nguyễn Thị Mỹ C tiếp tục nuôi cháu Nguyễn Khánh D, sinh ngày 02/9/2015. Anh Nguyễn Văn L tiếp tục nuôi cháu Nguyễn Thị G, sinh ngày 16/11/2013. Ghi nhận Chị C tự nguyện không yêu cầu anh L cấp dưỡng nuôi con.

Chị Nguyễn Thị Mỹ C, anh Nguyễn Văn L có quyền thăm nom con chung. Khi có nhu cầu, vì lợi ích của con, hai bên có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con chung và cấp dưỡng nuôi con.

3. Tài sản chung: Không có nên không yêu cầu giải quyết.

4. Nợ chung: Không có nên không yêu cầu giải quyết.

5. Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) chị Nguyễn Thị Mỹ C phải nộp và được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) theo biên lai thu số 0017693 ngày 12/6/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Ba Tri, tỉnh Bến Tre. Chị C đã nộp xong.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Báo cho nguyên đơn biết có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre xét xử phúc thẩm. Riêng bị đơn có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ tại trụ sở UBND xã nơi bị đơn cư trú để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre xét xử phúc thẩm.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- TAND tỉnh Bến Tre;
- VKSND huyện Ba Tri;
- Chi cục THADS huyện Ba Tri;
- UBND xã X;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Thị Hồng Hạnh